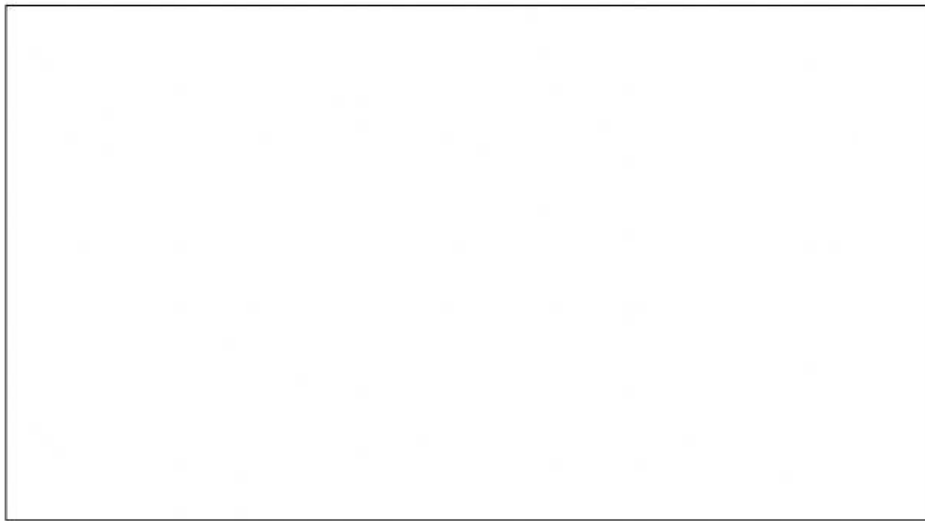


CHUYÊN ĐỀ 9:

LIÊN TỪ VÀ CÁC DẠNG MỆNH ĐỀ



1. Liên từ kết hợp (coordinating conjunctions)

* Dùng loại liên từ này để nối những các từ loại hoặc cụm từ / nhóm từ cùng một loại, hoặc những mệnh đề ngang hàng nhau (tính từ với tính từ, danh từ với danh từ...)

* Gồm có:

for, and, nor, but, or, yet, as well as

* Ví dụ: *She is a good and loyal wife.*

That is a good but quite unnecessary article.

Use your credit cards frequently and you'll soon find yourself deep in debt.

He is intelligent but very lazy.

She says she does not love me, yet I still love her. (Cô ấy nói cô ấy không yêu tôi, nhưng tôi vẫn yêu cô ấy.)

I learn English to make friends with foreigners and (to) get a good job.

We have to work hard, or we will fail the exam. (Chúng ta phải học hành chăm chỉ, nếu không thì chúng ta sẽ trượt kỳ thi đó.)

Jinyoung will surely succeed, for (because) he works hard.

That is not what I meant to say, nor should you interpret my statement as an admission of guilt.

Ulysses wants to play for UConn, but he has had trouble meeting the academic requirements.

2. Liên từ tương hỗ (correlative conjunctions)

* Gồm có:

both . . . and... (vừa....vừa...),
not only . . . but also... (không chỉ...mà còn...),
not . . .but,
either . . . or (hoặc ..hoặc..),
neither ... nor (không....cũng không...),
whether . . . or (dùhay..., hoặc.....hoặc....),
as . . . as,
no sooner.... than... (vừa mới....thì...),
hardly ... when

* Ví dụ: *Both my brother and my friend like English.*

She is both beautiful and intelligent.

They learn both English and French.

Either I or he is wrong. (Hoặc tôi hoặc anh ta sai.)

Neither I or he is wrong. (Tôi và anh ta đều không sai.)

He drinks neither wine nor beer.

I like playing not only tennis but also football.

Not only my brothers but also my friend likes English.

I don't have either books or notebooks.

I wonder whether he loves me or not.

I can't make up my mind (= decide: quyết định) whether I should buy some new summer clothes now or wait until the prices go down.

I can't make up my mind whether to buy some new summer clothes now or wait until the prices go down.

No sooner / Hardly + had + S + PII than / when + clause

No sooner had I put the phone down than he rang back.

(Tôi vừa đặt điện thoại xuống thì anh ta gọi lại.)

MỘT SỐ NOTE:

❖ **Kết hợp 2 câu làm 1:**

1. We know him. We know his friends. => We know him and his friend.
2. It is stupid to do that. It is quite unnecessary. => It is stupid and quite unnecessary to do that.
3. Your arguments are strong. They don't convince me. => Your arguments are strong but they don't convince me.
4. You can go there by bus. You can go there by train.

=> You can go there by bus or by train.

=> You can go there either by bus or by train

❖ **Addition:** In addition, furthermore, moreover, additionally, also, again

❖ **Cause - Effect:** As a result, As a consequence, resultedly, consequently, therefore, hence / thus

❖ **Contrast:** However, Nevertheless, Nonetheless, in contrast, on the contrary, notwithstanding (tuy nhiên), still / yet (ấy thế mà), on the other hand (mặt khác)

❖ **Besides** (Ngoài ra) / **Beside** (pre) (= next to = by: bên cạnh)

I really want to go to the party. Besides, it is close to / beside my house.

❖ **Otherwise:** nếu không thì

- *My teacher helped me a lot. Otherwise, I wouldn't have passed the exam.* => câu điều kiện ẩn

- *After the fire, all the books had been burnt or otherwise destroyed.* (Sau đám cháy tất cả sách đã bị đốt cháy, nếu không thì bị phá hủy)

❖ **Similarly, likewise** (một cách tương tự)

Everyone in my class studies 3 hours a day. We should do likewise / similarly.

(Mọi người trong lớp tôi học 3 tiếng mỗi ngày. Chúng tôi cũng nên làm như vậy.)

❖ **In fact** (thực ra): nhấn mạnh

He looks very young. In fact, he is in his 40's.

❖ **Indeed** (thực sự là) : dùng để nhấn mạnh

He is a hard - working employee. Indeed, he works ten hours a day.

❖ **Accordingly**: tương xứng với, theo đó

Susan is an intern and she is paid accordingly.

(Susan là một thực tập viên và cô ấy được trả tương xứng với.)

❖ **Finally**: After years of arguing, they finally got divorced.

❖ **Instead**: thay vào đó. Ví dụ: I don't have coffee. Why we don't drink tea instead.

❖ **Namely**: ví dụ (= for example, for instance)

Malaria can be prevented, namely by taking tablets and by using nets.